

Số: 121/2025/QĐST-KDTM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên họp: Bà Mai Thị Thanh Tú

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Quốc Đạt.

Bà Đỗ Thanh Hương.

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Hồ Thị Kim Oanh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5; ngày 12 và ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 58/2025/KDTMST ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo Quyết định mở phiên họp số 2074/2025/QĐ-MPH ngày 17- 4 -2025; Quyết định hoãn phiên họp số 1646/2025/QĐ-HPH ngày 08-5-2025 giữa:

Người yêu cầu: Công ty TNHH T.

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà L, số 41A T, Phường T1, Quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Trần Duy T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 217/59 B, Phường H, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Hoàng B, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 192 Đ, phường B, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 07/5/2025.)

Là Nguyên đơn trong phán quyết trọng tài.

Người liên quan: CÔNG TY CỔ PHẦN D

Địa chỉ: 32-34 T3, phường L, thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hồng Q.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà Hoàng Thị Hoài Th, sinh năm 1980.

2/ Ông Nguyễn Công Duy Th (vắng mặt)

3/ Bà Trịnh Phôi Yên Nh, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Phòng 802 (Tầng 8), Tòa nhà C, số 72- 74 K, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Đinh Quang Th.

Các đương sự có mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG:

Theo Đơn yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài của Công ty TNHH T đề ngày 10/01/2025:

Đề triển khai Dự án Crowne Plaza Nha Trang, tọa lạc tại 32 - 34 P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam mà Bị đơn là Chủ đầu tư (“Dự án”), Nguyên đơn và Bị đơn đã ký kết các Hợp đồng sau:

a) Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý xây dựng ngày 03 tháng 10 năm 2011 (viết tắt là Hợp đồng QLXD”). Theo đó, Chi nhánh A cung cấp cho C dịch vụ quản lý xây dựng đối với Dự án với tổng giá trị Hợp đồng QLXD là 2.244.578 USD (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng – VAT). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng QLXD, Chi nhánh A đã thực hiện thêm công việc với giá trị phát sinh mà C phải trả là 16.500 USD (chưa VAT), được Các Bên thống nhất tại Biên bản thanh lý Hợp đồng – Phát hành B số: FLA/VN010/GmK/1113 ngày 15 tháng 11 năm 2013. Tổng giá trị Hợp đồng QLXD và phát sinh là 2.261.078 USD (chưa VAT).

b) Hợp đồng cung cấp dịch vụ thiết kế/điều phối trên công trường ngày 08 tháng 5 năm 2011 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng DVTK”). Theo đó, Chi nhánh A cung cấp cho C dịch vụ thiết kế/ điều phối trên công trường Dự án với tổng giá trị Hợp đồng DVTK là 103.500 USD (chưa VAT).

Như vậy, tổng giá trị Các Hợp đồng (gồm phí phát sinh) là 2.364.578 USD (chưa VAT).

Tính đến khi ký Biên bản thanh lý Hợp đồng vào ngày 15/11/2013, C mới chỉ thanh toán cho A số tiền 1.872.763,75 USD (đã bao gồm VAT) tương ứng 1.702.512,5 USD (chưa VAT). Sau đó, lần lượt các ngày 06/4/2016, ngày 04/8/2016 và ngày 23/9/2016, C tiếp tục thanh toán cho A tổng số tiền là 4.000.000.000 VND (đã bao gồm VAT) được quy đổi là 179.674,35 USD (đã bao gồm VAT) tương ứng 163.340,32 USD (chưa VAT).

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc của Các Hợp đồng mà C còn nợ A là 498.725,18 USD (chưa VAT), bao gồm nợ gốc của Hợp đồng QLXD là 476.225,18 USD và nợ gốc của Hợp đồng DVTK là 22.500 USD. Ngoài ra, do C đã vi phạm thời hạn thanh toán các đợt theo thỏa thuận, nên A yêu cầu C trả lãi cho các khoản chậm thanh toán/chưa thanh toán công nợ gốc của các Hợp đồng.

Do C vi phạm nghĩa vụ thanh toán và các bên không thể tự giải quyết tranh chấp nên A đã khởi kiện Công ty C ra VIAC với các yêu cầu khởi kiện như sau:

(a) Buộc C thanh toán cho A số tiền (chưa VAT) là: 39.667.201.381 VND (Ba mươi chín tỷ, sáu trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm lẻ một nghìn, ba trăm tám mươi một Đồng Việt Nam), bao gồm các khoản:

(i) Công nợ gốc Hợp đồng QLXD trị giá 476.225,18 USD (Bốn trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi lăm phẩy mười tám Đô La Mỹ) hay 12.037.543.989 VND (Mười hai tỷ, không trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi chín Đồng Việt Nam) theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng Vietcombank ngày 24/5/2024 là 25.277 VND/USD;

(ii) Công nợ gốc Hợp đồng DVTK trị giá 22.500 USD (Hai mươi hai nghìn năm trăm Đô La Mỹ) hay 568.732.500 VND (Năm trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm Đồng Việt Nam) theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng Vietcombank ngày 24/5/2024 là 25.277 VND/USD;

(iii) Lãi chậm thanh toán công nợ gốc Hợp đồng QLXD tính từ ngày đến hạn thanh toán theo các hóa đơn do A đã phát hành đến ngày 24/5/2024 là 25.946.483.431 VND (Hai mươi lăm tỷ, chín trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi một Đồng Việt Nam), với lãi suất được xác định theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 17%/ năm;

(iv) Lãi chậm thanh toán công nợ gốc Hợp đồng DVTK tính từ ngày đến hạn thanh toán theo các hóa đơn do A đã phát hành đến ngày 24/5/2024 là 1.114.441.462 đồng, với lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 17%/ năm.

Ngày 12/12/2024, Hội đồng Trọng tài (viết tắt là HĐTT) thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) ban hành Phán quyết trọng tài số 152/24.

Không đồng ý với Phán quyết trọng tài, ngày 10/01/2025, Nguyên đơn có đơn yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 152/24 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần D trình bày:

Công ty A yêu cầu hủy PQT là không có căn cứ, Công ty A cho rằng PQT trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam là không đúng vì HĐTT luôn tôn trọng thỏa thuận hợp pháp của C và A liên quan đến hồ sơ thanh toán, liên quan đến tiền lãi chậm trả. HĐTT luôn đảm bảo sự khách quan khi đánh giá chứng cứ; đã thực hiện đúng các thủ tục tổ tụng trọng tài theo quy định của pháp luật; HĐTT đã có đủ cơ sở để xác định giá trị của yêu cầu khởi kiện của A bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ từ Ngân hàng Vietcombank do A cung cấp và được sự đồng ý của C; HĐTT không vi phạm thời hạn bầu Chủ tịch HĐTT và PQT đã được gửi cho các bên đúng thời hạn quy định của pháp luật; không có căn cứ hay dấu hiệu nào cho thấy HĐTT không công bằng trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp.

Do vậy, trình bày của A về yêu cầu hủy PQT là không có căn cứ, không phù hợp với thực tế và quy định pháp luật, Quy tắc VIAC cũng như thỏa thuận

của các bên nên đề nghị Hội đồng xét đơn không chấp nhận yêu cầu hủy PQTT của A.

Tại phiên họp các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến.

Nội dung phán quyết trọng tài:

Tại Phần IV Phán quyết trọng tài số 152/24 HCM đã quyết định như sau:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Công ty TNHH T, buộc Bị đơn – Công ty Cổ phần D thanh toán cho Nguyên đơn các khoản tiền sau:

(i) Khoản nợ gốc của Các Hợp đồng là 12.606.276.489 VND (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, sáu trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi chín Đồng Việt Nam*);

(ii) Một phần phí trọng tài là 279.638.810 VND (*Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm mười Đồng Việt Nam*); và

(iii) Một phần chi phí đi lại, ở của Trọng tài viên là 5.173.078 VND (*Bằng chữ: Năm triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm bảy mươi tám Đồng Việt Nam*).

2/ Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn toàn bộ khoản tiền nêu tại Mục IV.1 của Phán quyết này trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày lập Phán quyết. Trong trường hợp chậm thanh toán, Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán thêm tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Phán quyết trọng tài này được ba thành viên Hội đồng Trọng tài biểu quyết nhất trí và được lập vào ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Phán quyết Trọng tài này là chung thẩm, ràng buộc các Bên và có hiệu lực kể từ ngày lập.

Nội dung yêu cầu và căn cứ yêu cầu hủy phán quyết trọng tài:

Nguyên đơn đề nghị Tòa án hủy Phán quyết trọng tài số 152/24 HCM của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) do phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại. Trong vụ việc này:

- PQTT không tôn trọng thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng liên quan đến hồ sơ thanh toán và liên quan đến tính lãi chậm trả;

- HĐTT không khách quan khi đánh giá chứng cứ;

- Thủ tục tố tụng trọng tài trái với quy định của pháp luật cụ thể:

+ HĐTT không thu thập tỷ giá ngoại tệ của Ngân hàng để ban hành PQTT; không thu thập lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường.

+ HĐTT thu thập chứng cứ sau khi đã quyết định tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp.

+ HĐTT vi phạm thời hạn bầu Chủ tịch HĐTT.

+ PQTĐ được gửi cho A sau thời hạn pháp luật quy định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét đơn; Thư ký phiên họp và của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét đơn không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc hủy Phán quyết Trọng vụ tranh chấp số 152/24 HCM ngày 12-12-2024 do không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi xem xét Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài ngày 10-01-2025 của Nguyên đơn đối với Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 152/24 HCM ngày 12-12-2024 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) - (sau đây gọi tắt là Phán quyết số 152/24 HCM), Hội đồng xét đơn nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là việc dân sự về yêu cầu kinh doanh thương mại liên quan đến việc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) giải quyết tranh chấp, nơi Hội đồng trọng tài tuyên phán quyết trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 31, điểm b khoản 1 Điều 37, Điểm 0 khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2, 3 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại 2010, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thời hạn nộp đơn yêu cầu: Phán quyết trọng tài số 152/24 HCM ban hành ngày 12/12/2024, ngày 10/01/2025 Nguyên đơn nộp đơn yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài thương mại.

[3] Xét, Nguyên đơn yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài số 152/24 HCM do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam theo quy định tại điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại - Hội đồng xét đơn nhận thấy:

* Tại Đoạn 81 Phán quyết Trọng tài nêu trên thể hiện: “*Các quy định trên của Hợp đồng đều xác định điều kiện thanh toán là có hóa đơn hoặc hóa đơn hợp lệ, tuy nhiên, Hồ sơ Vụ tranh chấp không cho thấy các Bên có định nghĩa về hình thức hoặc yêu cầu pháp lý của “hóa đơn” và “hóa đơn hợp lệ”. Căn cứ các quy định có hiệu lực tại thời điểm các Bên thực hiện Các Hợp đồng (ký kết Biên bản thanh lý), trong đó có điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP), Hội đồng Trọng tài xác định “hóa đơn hợp lệ” trong trường hợp này là hóa đơn giá trị gia tăng*”, như vậy, Hội đồng Trọng tài nhận định

điều kiện thanh toán là có hóa đơn hoặc hóa đơn hợp lệ là hóa đơn giá trị gia tăng. Hội đồng Trọng tài căn cứ quy định của điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP để xác định “hóa đơn hợp lệ” là hóa đơn giá trị gia tăng.

* Tại Đoạn 82 Phán quyết Trọng tài nêu trên quy định: “*Xét rằng, Nguyên đơn chỉ cung cấp cho Hội đồng Trọng tài các hóa đơn nhập (không phải hóa đơn giá trị gia tăng) và Nguyên đơn thừa nhận rằng chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bị đơn đối với tiền nợ còn lại của Các Hợp đồng, do đó, nghĩa vụ thanh toán của Bị đơn được xem là chưa đến hạn theo quy định của Các Hợp đồng. Nói cách khác, Bị đơn chưa bị xem là chậm thanh toán khoản nợ gốc 12.606.276.489 VND nêu trên*”, như vậy, Hội đồng Trọng tài cho rằng, A chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho C nên nghĩa vụ thanh toán của C được xem là chưa đến hạn, C chưa bị xem là chậm thanh toán khoản nợ gốc.

Tại khoản 1 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại quy định: “*Trọng tài viên phải tôn trọng thỏa thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội*”

Tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự quy định: “*Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng*”

Tại Điều 2.d phần “Điều kiện cam kết” của Các Hợp đồng quy định C có trách nhiệm: “*Thanh toán cho A chi phí hàng tháng vào hay trước 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn (không thanh toán phí trong thời gian đã thỏa thuận có thể dẫn đến trả thêm lãi theo lãi suất hiện hành của ngân hàng cộng thêm 2%)*”.

Tại khoản 1, Điều 4 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định: *Loại, hình thức và nội dung hóa đơn:*

1/ Hóa đơn quy định tại Nghị định này gồm các loại sau:

a) Hóa đơn xuất khẩu là hóa đơn dung trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu;

b) Hóa đơn giá trị gia tăng là hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ nội địa dành cho các tổ chức, cá nhân khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ;

c) Hóa đơn bán hàng là hóa đơn hàng hóa, dịch vụ nội địa dành cho các tổ chức, cá nhân khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp;

d) Các loại hóa đơn khác gồm: vé, thẻ hoặc các chứng từ có tên gọi khác nhưng có hình thức và nội dung quy định tại các khoản 2, 3 Điều này.

Căn cứ Điều 404 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định:

“*1. Khi hợp đồng có điều khoản không rõ ràng thì việc giải thích điều khoản đó không chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng mà còn phải căn cứ vào ý chỉ*

của các bên được thể hiện trong toàn bộ quá trình trước, tại thời điểm xác lập, thực hiện hợp đồng.

2. Khi hợp đồng có điều khoản hoặc ngôn từ có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau thì phải giải thích theo nghĩa phù hợp nhất với mục đích, tính chất của hợp đồng.

3. Khi hợp đồng có điều khoản hoặc ngôn từ khó hiểu thì phải được giải thích theo tập quán tại địa điểm giao kết hợp đồng.

4. Các điều khoản trong hợp đồng phải được giải thích trong mối liên hệ với nhau, sao cho ý nghĩa của các điều khoản đó phù hợp với toàn bộ nội dung hợp đồng.

5. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa ý chỉ chung của các bên với ngôn từ sử dụng trong hợp đồng thì ý chỉ chung của các bên được dùng để giải thích hợp đồng.

6. Trong trường hợp bên soạn thảo đưa vào hợp đồng nội dung bất lợi cho bên kia thì khi giải thích hợp đồng phải theo hướng có lợi cho bên kia.”

Hội đồng Trọng tài đã áp dụng điểm b khoản 4 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP để xác định “hóa đơn hợp lệ” là hóa đơn giá trị gia tăng. Xét, tại hợp đồng các bên thỏa thuận “*Thanh toán cho A chi phí hàng tháng vào hay trước 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn (invoice)*” nên việc HĐTT giải thích điều khoản như trên là không rõ ràng, bởi điều khoản này không quy định về “hóa đơn hợp lệ” hoặc định nghĩa “hóa đơn hợp lệ” là hóa đơn giá trị gia tăng, việc giải thích như trên của HĐTT không phù hợp với ý chỉ của các bên, đồng thời việc giải thích này cũng chưa phù hợp với thực tiễn giao dịch thanh toán của các bên. Bởi các đương sự đều thừa nhận tại phiên họp thì thực tế thanh toán Công ty A xuất hóa đơn (invoice) và Công ty TD sẽ thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng, sau đó Công ty A mới xuất hóa đơn giá trị gia tăng. HĐTT chưa xem xét các quy định của Điều 404 Bộ luật dân sự mà đã xác định “hóa đơn hợp lệ” là hóa đơn giá trị gia tăng là chưa phù hợp.

Như vậy, Hội đồng Trọng tài đã không tôn trọng thỏa thuận của các bên khi giải quyết Vụ tranh chấp.

* Phán quyết trọng tài không tôn trọng thỏa thuận của các bên trong Các Hợp đồng liên quan đến tính lãi chậm trả.

Trong Các Hợp đồng, các bên chỉ thỏa thuận về lãi chậm trả tại Điều 2.d phần “*Điều kiện cam kết*” quy định về trách nhiệm của C: “*Thanh toán cho A chi phí hàng tháng vào hay trước 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn (không thanh toán phí trong thời gian đã thỏa thuận có thể dẫn đến trả thêm lãi theo lãi suất hiện hành của ngân hàng cộng thêm 2%)*”.

Tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 15/11/2013 thể hiện: “*Thanh khoản sẽ có hiệu lực dựa theo điều J6 của hợp đồng được ký kết. Nếu trong trường hợp việc chi trả thanh khoản trễ hơn ngày được đề ra, lãi suất được tính theo điều J8 và hạng mục 476 của Bộ luật dân sự Việt Nam.*” Biên bản này được xem là sự

kiện pháp lý xác lập làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên nhưng HĐTT không ghi nhận là vi phạm nguyên tắc cơ bản pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Bộ luật dân sự: *“Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.”*

Như vậy, các bên thỏa thuận ngay sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn, A có quyền yêu cầu C trả lãi chậm trả, không phụ thuộc vào việc C đã nhận được hóa đơn hay chưa, cũng không phụ thuộc hình thức hóa đơn này do A tự phát hành hay hóa đơn giá trị gia tăng. Việc thỏa thuận này của các bên cho thấy ý chí của các bên xuyên suốt trong quá trình thực hiện hợp đồng từ khi ký kết hợp đồng cho đến khi thanh lý hợp đồng đều thừa nhận nếu bên chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán sẽ phải chịu lãi suất.

Tại phiên họp, các bên thừa nhận thực tế từ khi ký Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 15/11/2013, các bên đã thực hiện việc thanh toán, điều kiện thanh toán không phụ thuộc vào việc Công ty A xuất hóa đơn VAT trước thì Công ty D mới có nghĩa vụ thanh toán. Thực tế, từ ngày 06/4/2016 đến ngày 04/8/2016, công ty D thanh toán cho A 03 tỷ đồng nhưng đến ngày 06/9/2016 A mới xuất VAT; và ngày 23/9/2016 thanh toán 01 tỷ đồng nhưng đến ngày 09/01/2017 công ty A mới xuất VAT cho D.

Như vậy, việc HĐTT nhận định *“Xét rằng, Nguyên đơn chỉ cung cấp cho Hội đồng Trọng tài các hóa đơn nhập (không phải hóa đơn giá trị gia tăng) và Nguyên đơn thừa nhận rằng chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bị đơn đối với tiền nợ còn lại của Các Hợp đồng, do đó, nghĩa vụ thanh toán của Bị đơn được xem là chưa đến hạn”* (phải có hóa đơn VAT trước mới thanh toán) là đã không tôn trọng thỏa thuận của các bên khi giải quyết Vụ tranh chấp, vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại khoản 2 Điều 3 BLDS năm 2015.

* Tại mục 79 của PQTTh thể hiện: *“....Do không xác định được thời điểm thanh toán được các Bên thỏa thuận trong Biên bản thanh lý, nên Hội đồng Trọng tài sẽ xem xét thỏa thuận của các Bên tại Hợp đồng về điều kiện và thời hạn thanh toán”*

Như trên đã nhận định, trong hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng các bên có thỏa thuận về lãi suất, đây là ý chí tự nguyện của các bên, trường hợp này, thể hiện mặc dù có thỏa thuận về lãi suất tuy nhiên thỏa thuận này không rõ ràng và có tranh chấp về phần lãi nên cần xem xét theo Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Như vậy, Hội đồng Trọng tài đã không tôn trọng thỏa thuận của các bên khi giải quyết Vụ tranh chấp, vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.

Mặt khác, Tại mục 58 của PQTTh thể hiện: *“Hội đồng Trọng tài xét thấy, ngay cả khi việc Các Bên thỏa thuận ghi giá bằng ngoại tệ trên Các Hợp đồng*

là không phù hợp với Pháp lệnh ngoại hối, thì thỏa thuận này cũng không bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật theo Điều 123 Bộ luật Dân sự 2015.” HĐTT nhận định như trên là có sự mâu thuẫn, chưa rõ ràng.

Xét, các lý do Công ty A đưa ra như: Hội đồng Trọng tài không khách quan khi đánh giá chứng cứ; không thu thập tỷ giá ngoại tệ của ngân hàng để ra Phán quyết Trọng tài; không thu thập lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường; Hội đồng Trọng tài thu thập chứng cứ sau khi đã quyết định tổ chức phiên họp giải quyết Vụ tranh chấp; Hội đồng Trọng tài vi phạm thời hạn bầu Chủ tịch Hội đồng Trọng tài; Hội đồng Trọng tài không công bằng trong quá trình giải quyết Vụ tranh chấp là không có cơ sở nên HĐ xét đơn không xét.

Tại phiên họp, Công ty D viện dẫn Thông tư số 39/2014/TT-BTC để cho rằng “hóa đơn” hay “hóa đơn hợp lệ” và cho rằng hóa đơn hợp lệ phải là hóa đơn giá trị gia tăng. Xét, việc Công ty D viện dẫn như trên để làm căn cứ xác định tính hợp lệ của hóa đơn phải là hóa đơn giá trị gia tăng là chưa chính xác bởi Thông tư này không quy định áp dụng hồi tố đối với các hợp đồng đã ký kết và chấm dứt hợp đồng trước ngày 01/6/2014.

Công ty D viện dẫn nội dung quy định tại Pháp lệnh ngoại hối năm 2013 để lập luận cho rằng Công ty D chỉ tạm thanh toán cho Công ty A theo email ngày 31/3/2016 là chưa phù hợp với thực tế giao dịch của các bên; các lý do mà Công ty D đưa ra tại các đơn trình bày ý kiến và tại phiên họp cũng như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Công ty D là không phù hợp với nhận định ở phần trên của Hội đồng xét đơn nên không được chấp nhận.

Xét, Phán quyết trọng tài số 152/24 HCM, có cơ sở xác định Hội đồng trọng tài vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

[7] Tại phiên họp, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài của Người yêu cầu, là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét đơn không nên chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, nhận thấy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 152/24 HCM ngày 12-12-2024 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) là thuộc một trong các trường hợp phán quyết trọng tài bị hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật Trọng tài thương mại 2010, nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài của Người yêu cầu Công ty TNHH T.

[9] Về lệ phí: Căn cứ khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trường hợp yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải chịu lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, trong phân danh mục lệ phí Tòa án thì lại không quy định rõ đối với loại việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài lệ phí là bao nhiêu. Vì vậy, Người yêu cầu không phải chịu lệ phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 31, điểm a khoản 3 Điều 38, khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 68, khoản 1 Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài Thương mại 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20-3-2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 152/24 HCM ngày 12 –12 - 2024 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) về việc giải quyết Vụ tranh chấp giữa:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH T.**

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà L, số 41A T, Phường T1, quận K, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Th

Bị đơn: **CÔNG TY CỔ PHẦN D**

Địa chỉ: 32-34 P, phường L, Thành phố N, Tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hồng Q.

2. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Hội đồng Trọng tài;
- Các bên đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Mai Thị Thanh Tú